

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
SỞ Y TẾ

Số: 742/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 17 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

*Phê duyệt danh mục kỹ thuật thuộc phân tuyến kỹ thuật tuyến tỉnh
trong khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Vietsovpetro*

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009; Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quy định phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh ban hành kèm theo Quyết định số 23/2005/QĐ-BYT ngày 30/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-SYT ngày 27/9/2012 của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, về việc thành lập đoàn thẩm định Danh mục kỹ thuật thuộc tuyến tỉnh trong khám chữa bệnh, đối với Trung tâm Y tế Vietsovpetro;

Căn cứ biên bản thẩm định Danh mục kỹ thuật thuộc phân tuyến kỹ thuật tuyến tỉnh trong khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Vietsovpetro do Đoàn thẩm định của Sở Y tế đánh giá vào ngày 01/10/2012;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y- Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép Trung tâm Y tế Vietsovpetro được thực hiện 328 kỹ thuật thuộc phân tuyến kỹ thuật tuyến tỉnh (Đính kèm Danh mục kỹ thuật) trong công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Vietsovpetro;

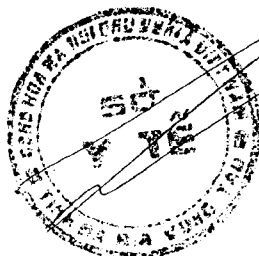
Điều 2. Trung tâm Y tế Vietsovpetro phải thực hiện theo quy trình kỹ thuật do Bộ Y tế ban hành đối với các kỹ thuật được Sở Y tế cho phép thực hiện. Căn cứ trình độ chuyên môn các cán bộ công chức tại đơn vị, Giám đốc Trung tâm y tế Vietsovpetro phải ban hành Quyết định cho phép từng Cán bộ công chức trong đơn vị được phép thực hiện từng kỹ thuật phù hợp với trình độ chuyên môn;

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Nghiệp vụ Y- Sở Y tế, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế Vietsovpetro và các bộ phận, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Các PGĐ Sở Y tế;
- Các phòng: TCCB, NVD, Ttra, KHTH SYT;
- Lưu: VT/NVY.

GIÁM ĐỐC



Trương Văn Kính

BIÊN BẢN THĂM ĐỊNH

**Danh mục kỹ thuật thuộc tuyến tỉnh trong khám, chữa bệnh
tại Trung tâm Y tế Vietsovpetro**

- I. **Thời gian:** Lúc 08 giờ 00 ngày 01 tháng 10 năm 2012
II. **Địa điểm:** Trung tâm Y tế Vietsovpetro, số 02 Pasteur, phường 7,
TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
III. **Thành phần:**

1/ Đoàn thăm định Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

BSCKII Võ Văn Hùng	Phó Giám đốc Sở Y tế	Trưởng đoàn
BSCKII Trương Đình Chính	TP. Nghiệp vụ Y Sở Y tế	Phó đoàn
CNDD Phạm Thị Thanh Hương	CV Nghiệp vụ Y Sở Y tế	Thư ký
BSCKI Nguyễn Viết Quang	TP Tổ chức cán bộ Sở Y tế	Thành viên
DS Nguyễn Thị Thu Trang	CV Kế hoạch tổng hợp Sở Y tế	Thành viên
DS Vũ Thị Thanh Huyền	TP. Nghiệp vụ Dược Sở Y tế	Thành viên
BSCKI Nguyễn Đình Tuấn	TK HSTC-CĐ BV Lê Lợi	Thành viên
BSCKII Nguyễn Văn Bình	TK Ngoại BV Lê Lợi	Thành viên
BSCKII Nguyễn Đức Hiền	PK Nội BV Bà Rịa	Thành viên
BSCKI Vương Quang Thắng	TK Nhi BV Bà Rịa	Thành viên
BSCKI Hoàng Nhân Toàn	PK Gây mê hồi sức BV Bà Rịa	Thành viên
BSCKII Bùi Thị Thanh Hoàng	TK Sản BV Bà Rịa	Thành viên
BSCKII Nguyễn Đăng Huy	PK LCK BV Bà Rịa	Thành viên
BSCKII Huỳnh Thị Bích Thảo	TK LCK BV Bà Rịa	Thành viên
BSCKI Nguyễn Trường Sơn	TK YHCT-PHCN BV Lê Lợi	Thành viên
BSCKI Nguyễn Văn Phúc	PK YHCT-PHCN BV Bà Rịa	Thành viên
BSCKI Nguyễn Thanh Xuân	PK CDHA BV Lê Lợi	Thành viên
BSCKI Đinh Thị Mai Hương	TK Xét nghiệm BV Bà Rịa	Thành viên
BSCKI Phạm Trung Thảo	TK Nhiễm BV Bà Rịa	Thành viên
Ths BS Nguyễn Trường Giang	TK Lao Trung tâm PCBXH	Thành viên
BSCKI Bảo Bái	PGĐ bệnh viện Tâm Thần	Thành viên
BSCKII Nguyễn Viết Giáp	GD Trung tâm Mắt	Thành viên

2/ Trung tâm Y tế Vietsovpetro:

BS Đỗ Minh Tiến- Giám đốc Trung tâm Y tế ;

Cùng các thành viên BGD, trưởng khoa phòng của TTYT Vietsovpetro

Thực hiện Quy định phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh ban hành kèm theo Quyết định số 23/2005/QĐ-BYT ngày 30/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-SYT ngày 27/9/2012 của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, về việc thành lập đoàn thẩm định Danh mục kỹ thuật thuộc tuyến tỉnh trong khám chữa bệnh, đối với Trung tâm Y tế Vietsovpetro;

Xét tờ trình số 945/TTYT-TT ngày 06/12/2011 của Trung tâm Y tế Vietsovpetro, về việc Phê duyệt kỹ thuật thuộc phân tuyến tỉnh, trung ương thực hiện trong khám, chữa bệnh tại TTYT Vietsovpetro; Và tờ trình số 708/TTYT-TT ngày 29/8/2012 của Trung tâm y tế Vietsovpetro, về việc Phê duyệt bổ sung kỹ thuật thuộc phân tuyến tỉnh thực hiện trong khám, chữa bệnh tại TTYT Vietsovpetro;

Đoàn thẩm định của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tổ chức thẩm định khả năng thực hiện các kỹ thuật thuộc tuyến tỉnh đối với Trung tâm Y tế Vietsovpetro, theo danh mục đề nghị.

IV. Quá trình làm việc:

1/ Giới thiệu thành phần: Đoàn thẩm định của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và thành phần tiếp đoàn thẩm định của Trung tâm Y tế Vietsovpetro;

2/ Trung tâm Y tế Vietsov báo cáo, trình bày các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, trình độ chuyên môn của nhân sự phụ trách và khả năng thực hiện các kỹ thuật theo danh mục đã đăng ký với Sở Y tế.

3/ Đoàn thẩm định Sở Y tế thông báo đính chính số lượng kỹ thuật đăng ký (413 kỹ thuật, lý do lỗi đánh máy vi tính).

Với 02 kỹ thuật “Hệ thống tập PHCN bằng khí nén sử dụng chipcard”, “Hệ thống tập PHCN robotic (chưa có ở Việt Nam)”, Sở Y tế đề nghị TTYT Vietsovpetro xin ý kiến của Bộ Y tế về 02 kỹ thuật không có trong danh mục quy định của Bộ Y tế;

Ngoài ra, TTYT Vietsov đề nghị không đăng ký 01 kỹ thuật “Tán sỏi thận qua nội soi”.

Đoàn thẩm định Sở Y tế và TTYT Vietsovpetro thống nhất danh mục kỹ thuật còn đăng ký thẩm định là 410 kỹ thuật.

4/ Đoàn thẩm định Sở Y tế đánh giá thực tế về các điều kiện: nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị và khả năng thực hiện.

5/ Thảo luận của đoàn thẩm định về từng kỹ thuật theo danh mục đề nghị của Trung tâm Y tế Vietsovpetro đã đăng ký với Sở Y tế, các ý kiến của thành viên đoàn thẩm định và ý kiến giải trình của TTYT Vietsovpetro.

6/ Kết quả:

- Tổng số kỹ thuật TTYT Vietsovpetro đăng ký: **413**
- Tổng số kỹ thuật đoàn thẩm định SYT tiến hành thẩm định: **410**
- Tổng số kỹ thuật đạt yêu cầu: **328/410**, đạt tỷ lệ **80%**
- Tổng số kỹ thuật chưa đạt: **82/410**

Căn cứ theo Phụ lục 2 của tờ trình số 708/TTYT-TT ngày 29/8/2012 của TTYT Vietsovpetro với 410 kỹ thuật, kết quả từng kỹ thuật như sau (đính kèm Phụ lục danh mục kỹ thuật theo biên bản)

Các kỹ thuật thẩm định chưa đạt gồm có :

- Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và Chống độc (Mục I):

“Dùng thuốc chống đông và tiêu sợi huyết”

Lý do : Cơ sở chưa có thực hiện kỹ thuật, chưa có kinh nghiệm thực hiện.

Đề nghị: BS phụ trách Thận nhân tạo phải được tập huấn xử trí choáng, tăng Kali máu.

- Chuyên khoa Nhi (Mục III):

“Mở màng phổi tối đa”,

“Phẫu thuật mở thông dạ dày trẻ em”,

“Lấy sỏi niệu đạo”,

“Phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên”,

“Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn”,

“Phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên”,

“Đóng dẫn lưu niệu quản hai bên”.

Lý do : chưa có kinh nghiệm thực hiện.

- Chuyên khoa Lao (Mục V):

“Cắt bỏ và vét hạch lao trung bình vùng cổ, nách”

Lý do: Chưa có kinh nghiệm để thực hiện kỹ thuật

Đề nghị: Cử nhân sự đi tập huấn để có kinh nghiệm thực hiện kỹ thuật (chỉ định cắt bỏ hạch và phương pháp phẫu thuật)

- Chuyên khoa Tâm Thần (Mục VII):

“Kích thích từ xuyên sọ” do chưa có máy tại thời điểm thẩm định

Lý do : chưa có trang thiết bị .

- Chuyên khoa Gây mê hồi sức (Mục X):

“Đặt nội khí quản khó bằng ống nội soi mềm”

Lý do : Hiện tại đơn vị chưa có ống nội soi mềm

“Gây mê hồi sức trên người bệnh suy thận, giảm chức năng thận”

Lý do : Chưa thực hiện, chưa có kinh nghiệm.

“Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm thuốc qua catheter cạnh thân thần kinh”

Lý do : Hiện tại chưa thực hiện kỹ thuật này ở tuyến tỉnh.

- Chuyên khoa Ngoại (Mục XI):

“Dẫn lưu màng tim qua đường Marfan”

”Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi, khâu lỗ thủng”

”Khâu vết thương nhu mô phổi”

”Phẫu thuật xoắn dạ dày”

”Cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành”

”Cắt bỏ trĩ vòng”

”Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bẹn có cắt ruột”,

”Cắt trĩ từ 2 búi trở lên”,

”Nối túi mật - hồng tràng”

”Dẫn lưu áp xe tụy”

”Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử”

”Cắt toàn bộ thận và niệu quản”

”Cắt một nửa thận”

”Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang”

”Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang”

”Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu”

”Cắt nối niệu đạo trước”

”Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da”

”Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang”

”Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật”

”Nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản”

”Phẫu thuật viêm xương khớp háng”

”Phẫu thuật vỡ trần ổ khớp háng”

”Thay chỏm xương đùi”

”Cắt đoạn khớp khuỷu”

”Phẫu thuật bàn chân khoèo”

”Bột Corset Minerve, Cravate”

Lý do: chưa có kinh nghiệm thực hiện.

- Bỏng (Mục XII):

“Thay băng, điều trị bỏng sâu (độ IV, V) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em”

Lý do : chưa có kinh nghiệm.

- Chuyên khoa Phụ sản (Mục XIV):

“Phá thai đến hết 7 tuần bằng thuốc”

Lý do : không có đủ nhân sự thực hiện.

- Chuyên khoa Mắt (Mục XV):

“Lấy dị vật trong hố mắt, trong nhãn cầu: tiền phòng, dịch kính, củng mạc, sâu trong giác mạc phải rạch khâu”

Lý do : Chưa làm được lấy dị vật trong dịch kính vì chưa có máy cắt dịch kính và nam châm điện.

“Phẫu thuật laser cắt bè (trabeculoplasty)”,

“Cắt mộng mắt chu biên (cả laser) khoan rìa, đốt nóng, đốt lạnh vùng thể mi, tách thể mi”

”Quang đông thể mi điều trị glôcôm”

Lý do : Chưa có máy Laser Diod để thực hiện.

”Đặt ống Silicon tiền phòng”

Lý do : chưa có nhân sự, chưa có kinh nghiệm thực hiện.

“Cắt bè áp 5 FU”

”Cắt bè áp Mytomycin C”,

“Cắt mộng áp Mytomycin C”

Lý do : Chưa có thuốc trong danh mục BV hạng 2 cho phép thực hiện.

“Lấy bệnh phẩm tiền phòng, dịch kính, tiêm kháng sinh vào buồng dịch kính”

Lý do : Chưa có kinh nghiệm và phương tiện lấy bệnh phẩm trong buồng dịch kính

- Chuyên khoa Răng-Hàm-Mặt (Mục XVII):

“Phẫu thuật cấy bộ phận cấy (Implant)”

Lý do : đơn vị chưa tự thực hiện được.

“Nắn khớp cắn ngược ở trẻ em do xương”

Lý do : do chưa có kinh nghiệm.

“Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò trong viêm xương hàm trên, hàm dưới”,

”Gãy xương hàm dưới vùng cằm, thân xương, cạnh cao, góc hàm”

Lý do : Nhân sự chưa được đào tạo và chưa có trang thiết bị.

“Ghép da rời, mỗi chiều bằng và trên 2cm”,

”Sửa sẹo xấu, nếp nhăn nhỏ”

Lý do : do chưa có kinh nghiệm, cần phối hợp chuyên khoa GPTM.

- Chuyên khoa Phục hồi chức năng (Mục XVIII):

“Điều trị bằng bồn xoay”

Lý do : chưa có cơ sở vật chất.

- Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh (Mục XIX):

“Siêu âm Doppler xuyên sọ”

Lý do : cơ sở không triển khai.

“Siêu âm đen trắng kiểu A ổ bụng và hệ tiết niệu”

Lý do : cơ sở không triển khai.

“Chụp mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm”,

“Chụp bơm thuốc cản quang vào khối u để chẩn đoán”

Lý do : cơ sở không có nhân sự và kinh nghiệm để thực hiện.

- Chuyên khoa Xét nghiệm:
 - “Kháng thể KST sốt rét P. falciparum/P. vivax (ELISA)”,
 - “Kháng thể Syphilis (ELISA)”,
 - “Anti- EBV IgG (ELISA)”,
 - “Anti- EBV IgM (ELISA)”,
 - “Anti- CMV IgG (ELISA)”,
 - “Anti- CMV IgM (ELISA)”,
 - “Prolactin”,
 - “Testosteron”,
 - “FSH”,
 - “LH”,
 - “Rogesteron”,
 - “Beta HCG”,
 - “Calcitonin”,
 - “NSE”

Lý do : Chưa có hóa chất

“Khí máu”

Lý do : Chưa có cơ sở vật chất, TTB, hóa chất

“Sàng lọc kháng thể bất thường”,

“Định nhóm máu hệ Rh khác (C,c,E,e”,

“Định nhóm máu hệ Rh (D yếu , D từng phần)”,

“Định nhóm máu A1”,

“Định nhóm máu khó hệ ABO”

Lý do : Chưa có hóa chất, nhân sự, kinh nghiệm.

V. Kết luận:

Tại thời điểm thẩm định, Trung tâm Y tế Vietsovpetro đủ điều kiện về nhân sự, trang thiết bị và cơ sở vật chất để triển khai thực hiện 328 kỹ thuật thuộc tuyến tỉnh trong khám, chữa bệnh (Theo phụ lục danh mục đính kèm).

Trong quá trình thực hiện đề nghị TTYT Vietsovpetro lưu ý các nội dung đã góp ý, hướng dẫn của các thành viên đoàn thẩm định của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

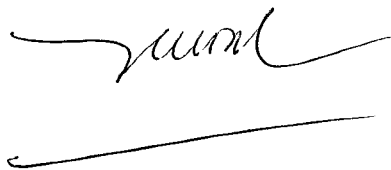
Thẩm định kết thúc lúc 11 giờ 45 cùng ngày.

Biên bản thẩm định được lập thành 02 bản có giá trị như nhau (01 bản lưu tại Sở Y tế, 01 bản lưu tại TTYT Vietsovpetro).

THƯ KÝ

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH

TTYT VIETSOVPETRO

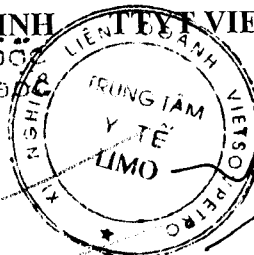


CN. Phạm Thị Thanh Hương



Võ Văn Hùng

K/T. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC



BS. Đỗ Minh Tiến

DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TÍNH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

(Ban hành kèm theo Quyết định 44/QĐ-SYT ngày 17/02/2012 của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
I. Hồi sức cấp cứu và chống độc		
1	Thông khí nhân tạo dài ngày xâm nhập và không xâm nhập với nhiều phương thức khác nhau	8
2	Lọc máu cấp cứu (ở người đã có mở thông động mạch tĩnh mạch)	9
II. Nội khoa		
3	Phong bế ngoài màng cứng	1
4	Chọc dịch não tủy	2
5	Sốc điện điều trị rung nhĩ	27
6	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của máy chụp cắt lớp vi tính	28
7	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	56
8	Lọc máu chu kỳ	57
9	Chọc dịch khớp	59
III. Nhi Khoa		
10	Ôxy cao áp	2
11	Thông khí nhân tạo thở máy dài ngày xâm nhập và không xâm nhập với nhiều phương thức khác nhau	4
12	Sốc điện phá rung nhĩ, cơn tim đập nhanh	5
13	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm: Đo áp lực tĩnh mạch phổi, hồi sức, lọc máu.	6
14	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	8
15	Mở dạ dày cho ăn	10
16	Đặt ống thông Blakemore	16
17	Khám nội soi ảo phế quản bằng cắt lớp vi tính hoặc cộng hưởng từ	66
18	Thăm dò các dung tích phổi (N2 wash out)	68
19	Dẫn lưu màng ngoài tim	77
20	Chọc dò màng tim, rửa màng tim	83
21	Phẫu thuật viêm phúc mạc / tắc ruột	95
22	Phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	96
23	Bơm hơi kiểm tra lồng ruột	97
24	Thụt tháo đại tràng trong phình đại tràng	99
25	Phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hoá, có làm hậu môn nhân tạo	102
26	Phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	103
27	Phẫu thuật tháo lồng ruột, tắc ruột	104
28	Cắt ruột thừa viêm cấp trẻ em dưới 6 tuổi	105
29	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc	106
30	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ em dưới 6 tuổi	107
31	Phẫu thuật u nang mạc nối lớn	108
32	Phẫu thuật mở đóng hậu môn nhân tạo	114
33	Nong hậu môn dưới gây mê	115

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
34	Chọc hút áp xe gan	119
35	Dẫn lưu túi mật	121
36	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun lần đầu	122
37	Dẫn lưu bàng quang trên xương mu bằng ống thông	129
38	Cắt đường rò bàng quang rốn, khâu lại bàng quang	132
39	Phẫu thuật sỏi bàng quang	133
40	Mở thông bàng quang	134
41	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	139
42	Phẫu thuật nang thừng tinh một bên	140
43	Chọc dò tinh hoàn	143
44	Phẫu thuật thoát vị bẹn	146
45	Bơm rửa ổ áp xe khớp (khớp háng, khớp gối...)	151
46	Máng bột lao cột sống	160
47	Băng chỉnh hình: băng số 8, băng chỉnh hình bàn chân khoèo, băng Desault	161
48	Phẫu thuật viêm xương dẫn lưu ngoài ống tủy	162
49	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp	163
50	Phẫu thuật vẹo khuỷu di chứng gãy đầu dưới xương cánh tay	164
51	Cắt u xương lành	165
52	Phẫu thuật tách ngón một (ngón cái) độ II, III, IV	166
53	Dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu	167
54	Dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp	168
55	Phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	170
56	Chọc dò khớp gối	171
IV. Truyền nhiễm		
57	Chăm sóc mở khí quản trong uốn ván	1
58	Lấy bệnh phẩm họng để chẩn đoán SARS, cúm A H5N1	2
59	Mở khí quản trong uốn ván	4
V. Lao		
60	Nạo hạch lao nhuyễn hoá hoặc phá rò	11
VI. Da liễu		
61	Phẫu thuật bóc sùi da đầu đường kính 1-5cm	24
62	Nạo vét ổ đào viêm xương	25
63	Phẫu thuật cắt sẹo xấu đường kính 1-5cm	34
64	Phẫu thuật cắt bỏ 1 nốt ruồi	35
65	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến bã đường kính 1-5cm	36
VIII. Nội tiết		
66	Cắt lọc bàn chân nhiễm trùng ở bệnh nhân đái tháo đường	9
67	Các tiểu phẫu ở bệnh nhân đái tháo đường (đường huyết không bình thường)	13
IX. Y học cổ truyền		
68	Dưỡng sinh	3

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
69	Điện mẫn châm	4
70	Nhĩ châm	5
71	Điện nhĩ châm	6
72	Kéo nắn cột sống	8
73	Từ châm	9
74	Laser châm	10
X. Gây mê hồi sức		
75	Gây mê lưu lượng thấp	2
76	Đặt nội khí quản khó bằng phương pháp thường quy	12
77	Theo dõi nhịp thở bằng máy theo dõi	21
78	Theo dõi thân nhiệt bằng máy theo dõi	23
79	Gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	42
80	Gây tê ngoài màng cứng	49
81	Gây tê ngoài màng cứng có đặt catheter	50
82	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm thuốc qua catheter ngoài màng cứng thắt lưng	56
83	Gây mê hồi sức phẫu thuật với người có bệnh van tim kèm theo	58
84	Gây mê hồi sức phẫu thuật với người có bệnh mạch vành kèm theo	59
85	Gây mê hồi sức phẫu thuật trên người có tăng huyết áp chưa ổn định, hay có thương tổn các cơ quan	62
86	Gây mê hồi sức trên người có bệnh phổi kinh niên	63
87	Gây mê hồi sức trên người bệnh có hen phế quản	64
88	Gây mê hồi sức trên người bệnh có dị ứng	65
89	Gây mê hồi sức trên người bệnh suy giảm chức năng gan	67
90	Gây mê hồi sức phẫu thuật người bệnh bị sốc, suy thở	68
91	Gây mê hồi sức ở người bệnh có rối loạn nước điện giải, thăng bằng kiềm toan	69
92	Gây mê hồi sức trên người bệnh đái tháo đường	70
93	Gây mê hồi sức trên người bệnh nhược cơ	71
94	Gây mê hồi sức ở người cao tuổi	72
95	Gây mê hồi sức ở trẻ lớn trên 1 tuổi	74
96	Gây tê cạnh nhãn cầu để phẫu thuật mắt	85
97	Gây mê để phẫu thuật mắt ở trẻ em	86
98	Vô cảm để phẫu thuật mắt khi có các bệnh kèm theo	87
99	Đặt nội khí quản khó trong răng hàm mặt	88
100	Gây mê phẫu thuật chấn thương hàm mặt	89
101	Gây mê lấy dị vật đường hô hấp	90
102	Gây mê cắt amidan ở trẻ em	92
103	Vô cảm phẫu thuật tai mũi họng	93
104	Gây mê hồi sức phẫu thuật vết, chấn thương khí, phế quản, phổi	94
105	Gây mê hồi sức phẫu thuật vết, chấn thương thành ngực	95
106	Gây mê hồi sức vết thương tim, chấn thương tim	105

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
107	Gây mê hồi sức cắt thủy phổi	107
108	Gây mê hồi sức phẫu thuật gan, mật, lách, tụy	112
109	Gây mê hồi sức phẫu thuật thận, niệu quản	113
110	Gây mê hồi sức cho soi đại tràng	132
111	Gây mê hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở trẻ em	143
112	Gây mê hồi sức người bệnh đa chấn thương (có sốc)	144
113	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị suy thận	147
114	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị hôn mê	148
115	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị loạn nhịp	151
XI. Ngoại khoa		
116	Khâu vết thương tim, do đâm hay do mảnh đạn	49
117	Khâu vết thương mạch máu chi	51
118	Cắt một xương sườn trong viêm xương	57
119	Mở ngực lấy máu cục màng phổi	92
120	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	97
121	Khâu lại vết phẫu thuật lồng ngực bị nhiễm khuẩn	98
122	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	109
123	Phẫu thuật tắc ruột do dây chằng	112
124	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	118
125	Đóng hậu môn nhân tạo trong phúc mạc	124
126	Đóng hậu môn nhân tạo ngoài phúc mạc	132
127	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	137
128	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	138
129	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	141
130	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	160
131	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr kèm cắt túi mật	163
132	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr lần đầu	166
133	Phẫu thuật vỡ tụy bằng chèn gạc cầm máu	184
134	Cắt lách do chấn thương	186
135	Cắt thận đơn thuần	191
136	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar	212
137	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	236
138	Nong niệu đạo	239
139	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	311
140	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	312
141	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu	313
142	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	314
143	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)	319
144	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liên mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển	320
145	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	321
146	Đặt nẹp vít gãy mâm chày và trên đầu xương chày	322

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
147	Ghép trong mất đoạn xương	323
148	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	324
149	Chuyển vạt da có cuống mạch	325
150	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	326
151	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	327
152	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	328
153	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	329
154	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	331
155	Phẫu thuật toác khớp mu	332
156	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	335
157	Phẫu thuật bàn chân duỗi đồ	337
158	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ	339
159	Nối gân gấp	340
160	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt	341
161	Gỡ dính thần kinh	342
162	Cố định Kirschner trong gãy đầu tiên xương cánh tay	343
163	PT gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	344
164	Cắt dị tật dính ngón, bằng và dưới 2 ngón tay	345
165	Cắt dị tật bẩm sinh về bàn và ngón tay	346
166	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng	347
167	Phẫu thuật cắt cụt đùi	348
168	Đóng đinh xương chày mở	349
169	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	350
170	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	351
171	Phẫu thuật Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	352
172	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	353
173	Đặt vít gãy thân xương sên	354
174	Gỡ dính gân	355
175	Khâu nối thần kinh	357
176	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	359
177	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	360
178	Lấy bỏ toàn bộ xương bánh chè	361
179	Phẫu thuật co gân Achille	364
180	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	365
181	Làm cứng khớp ở tư- thế chức năng	366
182	Phẫu thuật viêm tấy bàn tay, cả viêm bao hoạt dịch	367
183	Mở cửa sổ xương	375
184	Nắn trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	379
185	Nắn gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	380
186	Nắn gãy mâm chày, bột đùi cẳng bàn chân	381
187	Nắn bó chỉnh hình chân chữ O, chữ X	382
188	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	383

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
189	Nắn bó giai đoạn trong hội chứng Volkmann	384
190	Gãy nền xương bàn 1 và Bennet	386
191	Phẫu thuật gãy Monteggia	387
192	Phẫu thuật bong lóc da và cơ sau chấn thương	395
193	Di chuyển các vạt da hình trụ	455
XII. Bỏng		
194	Thay băng, điều trị bỏng sâu (độ IV, V) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	5
195	Cắt hoại tử sâu kiểu toàn lớp từ 1% diện tích cơ thể trở xuống ở trẻ em.	13
196	Ghép da tự thân từ 10% diện tích cơ thể trở xuống ở người lớn.	21
197	Ghép da tự thân từ 5% diện tích cơ thể trở xuống ở trẻ em.	22
198	Cắt sẹo, chuyển vạt da tạo hình tại chỗ đơn giản.	37
XIII. Ung bướu		
199	Cắt u kết mạc không vá	49
XV. Mắt		
200	Phẫu thuật làm nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco), đặt thể thủy tinh nhân tạo.	20
201	Lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, rửa hút các loại cataract già, bệnh lý, sa, lệch, vỡ	22
202	Phá bao sau thứ phát tạo đồng tử bằng laser YAG	23
203	Phẫu thuật cataract và glaucoma phối hợp	24
204	Khâu giác mạc, củng mạc rách phức tạp	27
205	Phẫu thuật mộng tái phát phức tạp có vá niêm mạc hay ghép giác mạc.	32
206	Cắt mộng có vá niêm mạc	51
207	Chích mù hốc mắt	53
208	Mổ tạo 2 mí	59
209	Khâu củng giác mạc phức tạp	65
210	Khâu giác mạc phức tạp	66
211	Khâu củng mạc phức tạp	67
212	Khâu phục hồi bờ mi	68
213	Mộng tái phát phức tạp có ghép màng ối	71
214	Mở bao sau bằng phẫu thuật	77
215	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	81
216	Soi góc tiền phòng	82
217	Tiêm dưới kết mạc, cạnh nhãn cầu, hậu nhãn cầu	83
218	Đo thị trường trung tâm, chu biên, amsler	84
XVI. Tai - Mũi - Họng		
219	Vá nhĩ đơn thuần	18
220	Thủ thuật nong vòi nhĩ	21
221	Đặt ống thông khí hòm tai	22
222	Phẫu thuật nạo sàng hàm	47

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
223	Khâu lỗ thủng bít vách ngăn mũi	50
224	Phẫu thuật vách ngăn mũi	51
225	Nội soi cầm máu mũi	52
226	Phẫu thuật nội soi mở sàng-hàm, cắt polyp mũi	57
227	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	58
228	Chích áp xe thành sau họng	95
XVII. Răng Hàm Mặt		
229	Nhổ răng khôn mọc lệch 90 ⁰ hoặc ngầm dưới lợi, dưới niêm mạc, phải chụp phim răng để chẩn đoán xác định và chọn phương pháp phẫu thuật	16
230	Phẫu thuật điều chỉnh xương ổ răng	28
231	Nắn vẩu xương ổ răng ở trẻ em	35
232	Tạo chỗ cho răng mọc	36
233	Nắn khớp cắn ngược nhóm răng cửa do răng	37
234	Mài chỉnh khớp cắn	38
235	Giữ chỗ mất răng sữa sớm	40
236	Nắn sai khớp thái dương hàm 1 bên, đến muộn	130
237	Cắt tạo hình phan môi, má, lưỡi bám thấp	131
238	Cắt nang tuyến nước bọt phụ	137
XVIII. Phục hồi chức năng		
239	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	5
240	Kỹ thuật điều trị bằng vi sóng	6
241	Điều trị bằng từ trường	7
242	Điều trị bằng laser công suất thấp	11
243	Điều trị bằng đắp paraffin	14
244	Tắm hơi	15
245	Kéo cột sống bằng máy	17
246	Điều trị bằng vòi áp lực nước	27
247	Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng người bệnh thay khớp gối hoàn toàn	97
248	Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng người bệnh thay khớp hông toàn phần	98
249	Thang tường	114
250	Thang song song	115
XIX. Chẩn đoán hình ảnh		
251	Siêu âm qua trực tràng hoặc âm đạo	8
252	Siêu âm Doppler/ Duplex/ Triplex	11
253	Siêu âm tim qua thành ngực	12
254	Siêu âm 3D/4D	13
255	Siêu âm Doppler màu	14
256	Siêu âm khớp và phần mềm	15
257	Chụp CT, chụp cộng hưởng từ các tuyến nội tiết và các cơ quan khác có liên quan.	31

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
258	Chụp cắt lớp đo khoáng xương	32
259	Chụp cộng hưởng từ nam châm vĩnh cửu không và có tiêm thuốc đối quang	33
260	Chụp CT Scan có tiêm thuốc cản quang tĩnh mạch-Chụp sọ não	40
261	Chụp sọ mặt chỉnh nha	44
262	Chụp lỗ thị giác	45
263	Chụp dạ dày hay đại tràng có đối quang kéo	48
264	Chụp đường mật và túi mật cản quang tiêm tĩnh mạch	52
265	Chụp Xquang tại giường	53
266	Chụp Xquang tử cung-vòi trứng	54
267	Chụp Xquang có tiêm thuốc đối quang đường tĩnh mạch	55
268	Chụp Xquang trong mổ	57
269	Chụp khu trú dị vật nội nhãn	61
270	Chụp niệu đạo xuôi dòng, ngược dòng	67
271	Chụp đường tiết niệu cản quang tiêm tĩnh mạch (UIV)	68
272	Chụp niệu quản và bể thận ngược dòng (UPR)	69
273	Chụp đường rò các loại	70
274	Chụp tử cung- vòi trứng	71
XXI. Nội soi		
275	Soi mũi họng	1
276	Soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	15
277	Soi thực quản-dạ dày, tiêm cầm máu	17
278	Soi thực quản-dạ dày, điều trị giãn tĩnh mạch thực quản	18
279	Soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	19
280	Soi dạ dày tá tràng để chẩn đoán và điều trị	22
281	Nội soi đại tràng sigma	24
282	Soi đại tràng-lấy dị vật, tiêm cầm máu, thắt trĩ	25
283	Soi đại tràng ống mềm để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng đường ruột	26
284	Soi trực tràng cắt u có sinh thiết	27
285	Soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ	29
XXII. Thăm dò chức năng		
286	Điện não	11
287	Holter điện tâm đồ	16
288	Holter huyết áp	17
289	Thăm dò các dung tích phổi	19
290	Thăm dò chức năng thông khí	20
291	Đo mật độ xương	21
XXII. Huyết học - Truyền máu - Miễn dịch - Di truyền		
292	Tổng phân tích tế bào máu bằng máy đếm laser	21
293	Định lượng yếu tố đông máu	59
294	HbA1c	120

STT	Tên kỹ thuật	stt theo
		QĐ 23/QĐ-BYT
298	Anti- HBe (ELISA)	134
299	HBeAg (ELISA)	135
XXIV. Hoá sinh		
300	CK	59
301	CKMB	60
302	GGT	62
303	Phosphatase kiềm	64
304	FT3	66
305	FT4	68
306	TSH	69
307	Alpha.FP	72
308	Triglycerid	74
309	HDL – Cholesterol	75
310	LDL – Cholesterol	76
311	Điện giải đồ (ngoài Na, K, Cl)	77
312	Amylase	102
313	Muối mật nước tiểu	189
314	Pro-BNP	207
315	Thyroglobulin	214
316	Anti Thyroglobulin	236
XXV. VI Vi sinh - Ký sinh trùng		
317	Nuôi cấy phân lập một số vi khuẩn gây bệnh thông thường	59
318	Làm kháng sinh đồ với một số vi khuẩn gây bệnh thông thường	60
319	Cấy máu phương pháp thông thường hoặc bằng máy cấy máu tự động	61
320	Chẩn đoán giang mai bằng kỹ thuật TPHA	65
321	Kỹ thuật sắc ký miễn dịch chẩn đoán Dengue xuất huyết (chẩn đoán nhanh) - Dengue NS1 Ag	66
322	Kỹ thuật sắc ký miễn dịch chẩn đoán Dengue xuất huyết (chẩn đoán nhanh) - Dengue Ig M	
323	Kỹ thuật sắc ký miễn dịch chẩn đoán Dengue xuất huyết (chẩn đoán nhanh) - Dengue Ig G	
324	Cấy máu	71
325	ELISA chẩn đoán các bệnh ký sinh trùng	83
XXVI. Giải phẫu bệnh và tế bào học		
326	Chọc hút tế bào tuyến giáp bằng kim nhỏ	8
* Kỹ thuật chưa có tên trong QĐ 23		
327	Định lượng nồng độ cồn trong máu	
328	Phẫu thuật hội chứng ống cổ tay +/-	

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4327/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung Danh mục 91 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh
thực hiện tại Trung tâm Y tế Vietsovpetro**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 23/2005/QĐ-BYT ngày 30/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định Phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh;

Xét đề nghị của Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro tại Công văn số 1773B/YTE ngày 03/5/2012 và Biên bản ngày 17/5/2012, Biên bản ngày 13/9/2012 của 02 Hội đồng chuyên môn Bệnh viện Chợ Rẫy thẩm định bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thuộc tuyến Trung ương đối với Trung tâm Y tế Vietsovpetro;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Danh mục 91 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Trung tâm Y tế Vietsovpetro (Danh mục kỹ thuật kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Y tế Vietsovpetro có nhiệm vụ bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đã được phê duyệt bổ sung; thực hiện đúng các quy định liên quan của pháp luật, bảo đảm an toàn cho người bệnh.

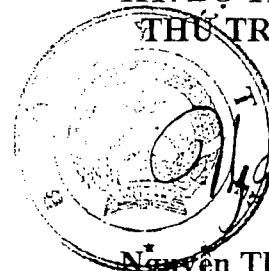
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh; Chánh Thanh tra Bộ và các Vụ trưởng, Cục trưởng của Bộ Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế Vietsovpetro và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/cáo);
- Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro;
- BV Chợ Rẫy;
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Xuyên

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỔ SUNG

**Danh mục 91 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh
thực hiện tại Trung tâm Y tế Vietsovpetro**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4321/QĐ-BYT ngày 06 tháng 11 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Số TT của Đơn vị	Số TT của BYT	TÊN KỸ THUẬT
	I	HÔI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
1.	4	Ôxy cao áp
	III	NHI KHOA
		A. HÔI SỨC CẤP CỨU
2.	2	Ôxy cao áp
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC
3.	64	Chọc hút dẫn lưu áp xe phổi
		C. TIÊU HÓA-BỤNG
4.	91	Phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật
5.	94	Nong hậu môn sau phẫu thuật có hẹp, không gây mê
	V	LAO
6.	1	Bơm rửa ổ áp xe khớp (khớp háng, khớp gối....)
7.	3	Nạo áp xe lạnh hố chậu
8.	4	Nạo áp xe lạnh hố lưng
	VI	DA LIỄU
9.	3	Phẫu thuật tạo hình nâng sống mũi bằng thanh Silicon dẻo
10.	4	Phẫu thuật tạo hình đầu mũi, cánh mũi.
11.	5	Phẫu thuật điều trị sụp mí.
12.	6	Phẫu thuật tạo hình mí trên và mí dưới.
13.	8	Phẫu thuật cắt bớt bầm sinh có hoặc không tạo hình bằng vật da đường kính từ 1-5 cm
14.	10	Phẫu thuật lấy da và mỡ thừa mí mắt trên, dưới và tạo hình 2

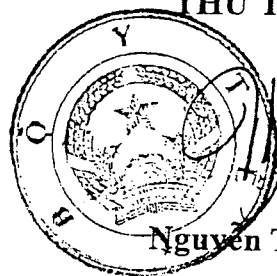
		mí.
15.	11	Phẫu thuật thẩm mỹ cung mày.
16.	13	Phẫu thuật thu hẹp, tạo hình âm đạo và phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài ở nữ giới.
17.	14	Điều trị hôi nách bằng phẫu thuật cắt tuyến mồ hôi.
18.	17	Phẫu thuật chuyển gân điều trị bàn chân rù do liệt vận động (1 bàn chân) do bệnh phong và các nguyên nhân không do phong
	X	GÂY MÊ HỒI SỨC
19.	79	Gây mê hồi sức phẫu thuật chấn thương cột sống
20.	108	Gây mê hồi sức phẫu thuật cắt 1 phổi
	XI	NGOẠI KHOA
		E. CHẤN THƯƠNG-CHỈNH HÌNH
21.	256	Thay toàn bộ khớp háng
22.	258	Tái tạo dây chằng khớp gối qua nội soi
23.	259	Thay toàn bộ khớp gối
24.	262	Chuyển vật ghép vì phẫu
25.	267	Chuyển gân liệt thần kinh quay, giữa hay trụ
26.	268	Tái tạo dây chằng vòng khớp quay trụ trên
27.	269	Phẫu thuật bàn tay, chỉnh hình phức tạp
28.	273	Tạo hình dây chằng chéo khớp gối
29.	274	Phẫu thuật nội soi khớp: cắt tổ chức thoái hoá
30.	275	Nối ghép thần kinh vì phẫu
31.	279	Phẫu thuật bàn tay cấp cứu có tổn thương phức tạp
32.	281	Phẫu thuật kéo dài chi
33.	282	Lấy bỏ sụn chêm khớp gối
34.	283	Đặt vít gãy trật xương thuyền
35.	448	Nối lại chi đứt lìa vì phẫu
36.	453	Nối lại 2 ngón tay bị đứt lìa
37.	454	Nối lại 1 ngón tay bị đứt lìa
	XII	BÔNG
38.	3	Thay băng, điều trị bông sâu (độ IV, V) trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
39.	19	Ghép da tự thân trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn.
40.	26	Ghép da tạo hình điều trị bông mới.
41.	28	Đặt túi giãn da các cỡ điều trị di chứng bông
42.	29	Lấy bỏ túi giãn da, cắt bỏ sẹo bông, tạo hình vùng khuyết tổn phần mềm.
43.	30	Chuyển vật da xoay, trượt phức tạp trong tạo hình di chứng

		bóng.
44.	35	Điều trị bóng và di chứng bóng bằng oxy cao áp
	XV	MẮT
45.	16	Điều trị glaucoma, một số bệnh võng mạc, mờ bao sau đục bằng laser
	XVII	RĂNG - HÀM - MẶT
		A. RĂNG
46.	1	Nắn răng xoay trên 60°
47.	2	Nắn răng mọc lạc chỗ
48.	7	Cắm ghép răng (Dental Implant)
49.	8	Phục hình implant
50.	12	Điều trị nha khoa phòng ngừa cao cấp
		B. HÀM MẶT
51.	106	Tẩy trắng răng bằng đèn Plasma
52.	107	Điều trị tủy ngược dòng
53.	108	Cắm ghép nội tủy và hàn phục hồi
	XIX	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
54.	4	Siêu âm trên bàn mổ
55.	5	Siêu âm có sử dụng thuốc đối quang
56.	7	Siêu âm Doppler xuyên sọ
57.	22	Mạch ký huỳnh quang nhãn khoa
58.	25	Chụp cắt lớp vi tính đa dãy đầu dò trước và sau tiêm chất đối quang tĩnh mạch
59.	26	Chụp cắt lớp đo vôi hoá mạch vành tim
60.	27	Chụp cắt lớp mạch vành tim
61.	29	Chụp cộng hưởng từ nam châm siêu dẫn từ lực từ 1.0 Tesla trở lên, không và có thuốc đối quang
62.	30	Chụp cộng hưởng từ tim và mạch vành tim
63.	41	Chụp động mạch não bằng thuốc cản quang
64.	42	Nội soi ảo phế quản bằng cắt lớp vi tính hoặc cộng hưởng từ
	XXIII	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU- MIỄN DỊCH - DI TRUYỀN
		E. MIỄN DỊCH SÁNG LỌC
65.	122	Phát hiện ký sinh trùng sốt rét bằng kỹ thuật ELISA
66.	124	Kỹ thuật RT- PCR phát hiện HCV
67.	127	Định lượng virus HBV

	XXIV	HÓA SINH
		A. MÁU
68.	1	PSA
69.	2	Ferritin
70.	3	Transferin
71.	5	CEA
72.	6	CA 125
73.	7	CA 19 - 9
74.	8	CA 15 - 3
75.	9	CA 72 - 4
76.	10	Cyfra 21 - 1
77.	12	CRP hs
78.	23	Tg
79.	24	Anti - Tg
80.	37	Troponin - T
81.	38	Troponin - I
		B. NƯỚC TIỂU
82.	99	Micro albumin (M.A.U)
	XXV	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG
83.	4	Nuôi cấy và định danh vi khuẩn bằng máy định danh Phoenix
84.	10	Chẩn đoán Toxoplasma IgM bằng kỹ thuật ELISA
85.	11	Chẩn đoán Toxoplasma IgG bằng kỹ thuật ELISA
86.	16	Chẩn đoán Chlamydia IgG bằng kỹ thuật ELISA
87.	24	Chẩn đoán Rubella IgM bằng kỹ thuật ELISA
88.	25	Chẩn đoán Rubella IgG bằng kỹ thuật ELISA
89.	30	PCR chẩn đoán lao
90.	31	PCR chẩn đoán HPV
91.		Chẩn đoán nhiễm HP qua hơi thở

(Tổng số 91 kỹ thuật)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Xuyên